

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2024/HNGĐ- ST**
Ngày 02 tháng 12 năm 2024
*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích

Bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Nhật P**, sinh năm 1996.

Nơi ĐKTT: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu D, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ *Bị đơn:* Anh **Hà Văn H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nhật P trình bày:

Chị và anh Hà Văn H có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau, đi lại hai bên nội ngoại. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì đến khoảng tháng 5 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mãi chơi, không lo lắng cho vợ con. Đến khoảng tháng 10 năm 2022, anh H đi chấp hành án phạt tù 08 tháng, sau khi ra tù anh sang nước ngoài làm việc đến tháng 9 năm 2024 thì anh H về sinh sống làm việc tại nơi cư trú thuộc khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Chị P đã nhiều lần nói chuyện với gia đình để khuyên bảo và cho anh H nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi. Nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022. Hiện cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V do cháu còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Chị đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.200.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2024.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2024, bị đơn là anh Hà Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Nhật P có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau, đi lại hai bên nội ngoại. Quá trình chung sống, vợ chồng thi thoảng cãi vã, mâu thuẫn nhưng không lớn đến mức phải ly hôn. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Có 01 con chung là Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022; hiện tại cháu V đang ở cùng chị P ở nhà ông bà ngoại. Nếu chị P nhất quyết đòi ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu V thì anh mới đồng ý ly hôn, anh không đề nghị chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm lao động tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh tại địa phương nơi anh Hà Văn H sinh sống như sau:

- Tại biên bản xác minh với Công an xã Đ ngày 25/10/2024, Công an xã Đ như sau:

Theo kết quả tra cứu tại H2, anh Hà Văn H, sinh năm 1994, số CCCD: 025094002817 có vợ là chị Nguyễn Thị Nhật P, sinh năm 1996, hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và không đăng ký tạm trú tại nơi nào khác.

- Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25/10/2024, Trưởng khu Đ, xã Đ, huyện thanh Ba, tỉnh Phú Thọ và đại diện chính quyền địa phương xã Đ như sau:

Anh Hà Văn H, sinh năm 1994, có đăng ký thường trú tại Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhưng thường xuyên cư trú tại nhà bố mẹ đẻ tại khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh H và chị Nguyễn Thị Nhật P có đăng ký kết hôn năm 2021, sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H tại khu Đ, xã Đ. Năm 2022, anh H có đi chấp hành án một thời gian đến năm 2023 thì trở về địa phương. Sau đó, anh H hay đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của vợ chồng anh H, chị P thì ông không nắm được do anh chị chưa lần nào đề nghị hòa giải tại địa phương. Thời gian gần đây, ông chỉ thấy anh H đang ở nhà tại khu Đ, xã Đ, tuy nhiên không thấy chị P đâu. Nay chị P có đơn đề nghị ly hôn anh H, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của công dân.

Anh H và chị P có 01 con chung sinh năm 2022, hiện nay ông không thấy chị P cùng con chung ở với anh H. Về vấn đề nuôi con chung giữa chị P và anh H, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của công dân.

Quan điểm của Cán bộ Tư pháp xã Đ và đại diện chính quyền địa phương: Nhất trí với ý kiến của ông T, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

* Bị đơn là anh Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 29/10/2024, anh H đều có mặt. Anh H đã đọc lại biên bản, công nhận nội dung tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và nội dung tại biên bản hòa giải là đúng nhưng không ký biên bản, không trình bày lý do không ký biên bản, tự ý bỏ về. Việc này có sự chứng kiến của chị Lê Kiều H1, sinh năm 1978, địa chỉ: Đường P, phường L, quận H, TP ., nên Tòa án nhân dân

huyện Thanh Ba đã tiến hành lập biên bản làm việc với chị Lê Kiều H1 về việc anh Hà Văn H, sinh năm 1994, là bị đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, không ký biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản phiên hòa giải tại tòa án.

* Tại biên bản hòa giải ngày 29/10/2024, chị P và anh H không thống nhất được nội dung về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị P, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Nguyễn Thị Nhật P và anh Hà Văn H ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022 cho chị Nguyễn Thị Nhật P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ 01 tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị Nhật P có đơn xin ly hôn anh Hà Văn H. Bị đơn là anh H cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nhật P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Hà Văn H mặc dù đã được Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhật P và anh Hà Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 11/10/2021, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo kết quả xác minh với chính quyền địa phương nơi anh H cư trú, xác định thời gian gần đây, chị P cùng con chung không ở cùng với anh H tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Theo chị P trình bày nguyên nhân chị và anh H mâu thuẫn là do anh H mãi chơi, không lo lắng cho vợ con. Chị P đã nhiều lần nói chuyện với gia đình để khuyên bảo và cho anh H nhiều cơ hội nhưng anh H không thay đổi. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, từ thời điểm chị với anh H ly thân và khi chị nộp đơn đề nghị ly hôn đến Tòa án, anh H không đến nói chuyện hay có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng.

Theo lời khai của anh H, anh không đồng ý ly hôn với chị P, nếu chị P nhất quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn khi anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Thị Khánh V.

Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nhật P và anh Hà Văn H có 01 con chung là Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022. Hiện nay cháu V đang ở với chị P tại khu D, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Khánh V. Chị đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.200.000 đồng/01 tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2024.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Khánh V. Anh không đề nghị chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022, hiện đang dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo cho sự phát triển và tâm sinh lý của con chung. Chị P hiện đang là giáo viên, có thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hà Thị Khánh V là hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của con chung.

Chị P yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.200.000 đồng/01 tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2024. Xét thấy, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Theo lời khai của anh H thể hiện anh là người có việc làm, có thu nhập ổn định. Mức yêu cầu cấp dưỡng 1.200.000 đồng/01 tháng của chị P là phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do đó, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị P là có căn cứ theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 82, các Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Nhật P và anh Hà Văn H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nhật P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Hà Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nhật P được ly hôn anh Hà Văn H.

3. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Nhật P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hà Thị Khánh V, sinh ngày 08/3/2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/01 (Một) tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nhật P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001980 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (Xác nhận chị P đã nộp đủ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm).

Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Ba
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vi Thị Năm